

Số: 33/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 268/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 9/5, Ngõ 30, đường V, phường H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Bùi Tuấn A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Tuấn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Tuấn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Minh L, sinh ngày 25/02/2018, Bùi Đức T, sinh ngày 27/12/2021, hai cháu hiện đang ở với chị H. Anh chị thoả thuận giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu L và T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tuấn Anh cấp dưỡng nuôi con chung với chị H cháu Bùi Đức T, số tiền là 3.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Tuấn A không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị H, anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai ký hiệu BLTU/25 số 0002971 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV1-Hưng Yên;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã H
- (GCNKH số 09/2017 ngày 16/02/2017);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc